

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**  
**“Về việc tuyên bố một người là đã chết”**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**Thành phần giải quyết việc dân sự sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông **Vũ Quang Dũng**

Thư ký phiên họp: Ông **Nguyễn Văn Hạnh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội tham gia phiên họp: Bà **Trần Thanh Hiếu** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 64/2024/TLST-VDS ngày 06/5/2024 về việc “Yêu cầu tuyên bố một người là đã chết”; theo Quyết định mở phiên họp số 08/2024/QĐMPH-VDS ngày 06/9/2024, gồm những người tham gia tố tụng sau:

**- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:**

Ông **Bùi Đức S**, sinh năm 1968

Địa chỉ: Xóm D, thôn P, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội. (Có mặt)

**- Những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết:** Tuyên bố cụ **Vương Thị N**, sinh năm 1918 (bà ngoại ông S); nơi cư trú cuối cùng: Thôn P (nay là xóm M, thôn P), xã P, huyện G, thành phố Hà Nội là đã chết.

**- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà **Bùi Thị T**, sinh năm 1963; trú tại: Phường X, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Bà **Bùi Thị L**, sinh năm 1969; trú tại: Thôn P, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội.

3. Ông **Bùi Đức D**, sinh năm 1975; trú tại: Thôn P, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T, bà L, ông D là: Ông Bùi Đức S, sinh năm 1968; trú tại: Thôn P, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội theo Giấy ủy quyền số công chứng 1667, Quyển số: 02/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 29/5/2024 tại Văn phòng công chứng NT. (Ông S có mặt);

4. Bà Hà Thị B, sinh năm 1950 (vợ ông Trần Công Q); (Vắng mặt).

5. Bà Trần Thị T1, sinh năm 1977; (Vắng mặt).

6. Ông Trần Công C, sinh năm 1979; (Vắng mặt).

Cùng trú tại: Thôn B, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

7. Bà Trần Thị M, sinh năm 1977; (Vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT tại: Thôn A, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; hiện trú tại: Số nhà Ngõ C, phường T, quận D, thành phố Hà Nội.

8. Bà Trần Thị M1, sinh năm 1954; (Có mặt).

9. Trần Thị M2, sinh năm 1955; (Vắng mặt).

Cùng trú tại: Xóm M, thôn P, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội.

10. Trần Thị M3, sinh năm 1958; trú tại: Xóm D, thôn P, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội; (Vắng mặt).

11. Trần Công M4, sinh năm 1961; trú tại: Xóm M, thôn P, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội; (Có mặt).

12. Trần Thị L1, sinh năm 1963; trú tại: Xóm N, thôn P, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội; (Có mặt).

13. Cụ Trần Thị N1 (tức Nguyễn Thị N1 - N1 bé), sinh năm 1938; trú tại: Phường G, quận L, thành phố Hà Nội; (Vắng mặt).

### **NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

- Người yêu cầu ông Bùi Đức S trình bày: Tôi có ông, bà ngoại là cụ Trần Công N2 và cụ Vương Thị N, ông bà ngoại tôi đã gây dựng được một thửa đất (Nay là thửa đất số 34, tờ bản đồ P, diện tích 577m<sup>2</sup>) ở thôn P (Nay là xóm M, thôn P xã P, huyện G, thành phố Hà Nội) và xây nhà để ở. Cụ Trần Công N2 và cụ Vương Thị N có ba người con là: Mẹ tôi - Bà Trần Thị N2 (sinh năm 1938, chết năm 2012), di tôi - bà Trần Thị N1 (hay còn gọi là Nguyễn Thị N1), sinh năm 1938, hiện cư trú tại phường G, quận L, thành phố Hà Nội và cậu tôi - ông Trần Công Q (hay còn gọi là Nguyễn Bá Q), sinh năm 1944, chết năm 1992. Tôi có nghe mọi người kể lại, năm 1944 sau khi sinh ông Q xong thì bà ngoại tôi bỏ đi biệt tích, ông ngoại tôi đi bộ đội về thì bị ốm, không có nhà ở phải cho ba con đi

làm con nuôi người khác từ nhỏ nên bà N1, ông Q mới bị đổi tên. Sau đó, ông ngoại tôi lấy vợ hai tên là Nguyễn Thị T2, sinh được bà Trần Thị M1, bà Trần Thị M2, bà Trần Thị M3, ông Trần Công M4, bà Trần Thị L1. Năm 1983, ông Ngoại tôi - cụ Trần Công N2 ốm chết tại nhà riêng, xóm M, thôn P, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội.

Như vậy, năm 1944, bà ngoại tôi là cụ Vương Thị N bỏ nhà đi đâu biệt tích từ đó đến nay không rõ tung tích. Để thực hiện việc chia di sản thừa kế do cụ Trần Công N2 và cụ Vương Thị N để lại theo thủ tục tại Tòa án, tôi đã có đơn xin xác nhận về việc biệt tích của cụ Vương Thị N gửi Ủy ban nhân dân xã P, huyện G và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện G trả lời bằng thông báo số 54/TB-UBND ngày 01 tháng 04 năm 2024 (có văn bản kèm theo).

Nay tôi làm đơn này yêu cầu Tòa án nhân dân huyện G tuyên bố cụ Vương Thị N đã chết.

**- Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:**

+ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Bùi Thị T, bà Bùi Thị L, ông Bùi Đức D:* Các ông bà đều thống nhất trình bày và yêu cầu như ông Bùi Đức S.

+ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Trần Thị M1, bà Trần Thị M2, bà Trần Thị M3, ông Trần Công M4, bà Trần Thị L1:* Chị em chúng tôi là con của cụ Trần Công N2 và cụ Nguyễn Thị T2 (vợ hai cụ N2), vợ đầu của cụ N2 là cụ Vương Thị N, sinh được ba người con gồm bà Trần Thị N2, bà Trần Thị N1, ông Trần Công Q. Từ khi chị em chúng tôi sinh ra đến nay chị em chúng tôi không biết cụ N hiện nay còn sống hay đã chết, chỉ biết bố mẹ kể lại năm 1944 cụ N bỏ nhà đi, trước khi bố mẹ tôi kết hôn với nhau. Nay ông Bùi Đức S yêu cầu tuyên bố cụ N đã chết, chị em chúng tôi đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

+ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Hà Thị B, bà Trần Thị M, bà Trần Thị T1, ông Trần Công C:* Cụ Trần Công N2 và cụ Vương Thị N sinh được ba người con gồm bà Trần Thị N2, bà Trần Thị N1, ông Trần Công Q, ông Q có vợ là bà Hà Thị B, kết hôn năm 1974, sinh ra ba người con gồm bà Trần Thị M, bà Trần Thị T1, ông Trần Công C. Từ bé đến nay về quê chúng tôi chưa gặp cụ N lần nào, không biết cụ còn sống hay chết. Nay ông Bùi Đức S yêu cầu tuyên bố cụ N đã chết, chị em chúng tôi đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

+ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - cụ Nguyễn Thị N1 (N1 bé), sinh năm 1938:* Do tuổi cao sức yếu nên cụ không nhớ sự việc gì, không ký vào bất cứ biên bản nào của Tòa án. Đối với yêu cầu tuyên bố cụ N chết đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Cụ xin từ chối tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên họp phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý, tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng và tại phiên họp đương sự và Thư ký Tòa án, Thẩm phán đã tuân thủ đúng trình tự tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Việc yêu cầu của ông Bùi Đức S đề nghị Tòa án tuyên bố cụ Vương Thị N đã chết là có căn cứ nên được chấp nhận.

- Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Do yêu cầu của ông S được chấp nhận nên ông S phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đương sự và vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên họp, Tòa án nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội nhận định:

[1]. Về tố tụng: Cụ Vương Thị N, sinh năm 1918 có chồng là cụ Trần Công N2, sinh năm 1912, chết năm 1983 và ba người con là: Bà Trần Thị N2, sinh năm 1938, chết năm 2012; bà Trần Thị N1 (Nguyễn Thị N1), sinh năm 1938 và ông Trần Công Q (Nguyễn Bá Q), sinh năm 1944, chết năm 1992. Cụ Vương Thị N bỏ nhà đi biệt tích từ năm 1944 đến nay, gia đình đã tìm kiếm nhiều nơi, mất rất nhiều thời gian nhưng không biết cụ N ở đâu, còn sống hay đã chết. Địa chỉ cư trú trước khi biệt tích của cụ N là: Thôn P (nay là xóm M, thôn P), xã P, huyện G, thành phố Hà Nội. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện G thụ lý yêu cầu của ông S là phù hợp Điều 27, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Về nội dung: Xét đơn yêu cầu của ông Bùi Đức S đề nghị Tòa án tuyên bố cụ Vương Thị N là đã chết.

Năm 1944, cụ Vương Thị N đã bỏ nhà đi biệt tích và đến nay đã rất nhiều năm gia đình ông S không có liên lạc được với cụ N. Nay ông S yêu cầu Tòa án nhân dân huyện G tuyên bố cụ Vương Thị N là đã chết. Xét việc yêu cầu của ông S là có căn cứ bởi lẽ tại Thông báo trả lời Đơn xin xác nhận của ông Bùi Đức S số 54/TB-UBND ngày 01/4/2024 của UBND xã P thể hiện “*Qua xác minh tàng thư lưu trữ và quá trình rà soát thu thập thông tin công dân trên địa bàn xã không có công dân nào có họ tên: Vương Thị N có hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã P, huyện G, Hà Nội*”. Tòa án đã ra Quyết định thông báo tìm kiếm thông tin về người bị yêu cầu tuyên bố là đã chết và đăng trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 392 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nhưng vẫn không nhận được tin tức gì của cụ N. Cụ N bỏ đi biệt tích từ năm 1944, do đương sự không có chứng cứ nào thể hiện cụ N biệt tích ngày, tháng cụ thể nào nên theo quy định của pháp luật thì

xác định thời gian biệt tích của cụ N từ ngày 01/01/1945 và ngày chết được xác định là ngày tiếp theo của kỳ hạn 05 năm liền biệt tích là ngày 01/01/1950.

Từ những căn cứ và nhận định trên, xét thấy yêu cầu của ông Bùi Đức S, tuyên bố cụ Vương Thị N là đã chết phù hợp với quy định tại các Điều 71, 72, 148 Bộ luật Dân sự và các Điều 27, 39, 361, 391, 393 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được Tòa án chấp nhận.

[3]. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Bùi Đức S phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ khoản 4 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 39; các Điều 149, 361, 371, 372, 391, 393 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 71, 72 và Điều 148 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn yêu cầu của ông Bùi Đức S về yêu cầu tuyên bố cụ Vương Thị N là đã chết.

2. Tuyên bố cụ Vương Thị N, sinh năm 1918; nơi cư trú cuối cùng: Thôn P (nay là xóm M, thôn P), xã P, huyện G, thành phố Hà Nội là đã chết ngày 01/01/1950.

3. Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật thì quan hệ hôn nhân, gia đình; quan hệ về tài sản và các quan hệ nhân thân khác của cụ Vương Thị N được giải quyết như đối với người đã chết; tài sản của cụ N được giải quyết theo quy định của pháp luật về thừa kế.

4. Lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Bùi Đức S phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí việc dân sự sơ thẩm mà ông S đã nộp theo biên lai thu số 0004095 ngày 04/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, thành phố Hà Nội.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Các đương sự vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân huyện G có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện G;
- Chi Cục THADS huyện G;
- UBND xã P, huyện G, thành phố Hà Nội;
- Đương sự;
- Lưu HS;

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Vũ Quang Dũng**